

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST  
Ngày: 13-12-2024  
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Lưu Triều
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông Đỗ Văn Hòa
  2. Bà Nguyễn Thị Việt Sáu
- **Thư ký phiên tòa:** Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân, tỉnh Bình Thuận.
- **Đại diện VKSND thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị H
- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa:

**Nguyên đơn:** Công ty TNHH G

Địa chỉ: B B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc P, sinh năm 1956.

Địa chỉ: B N, khu phố C, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Công ty cổ phần V

Địa chỉ: B X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chân T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2023 đại diện của nguyên đơn là ông Phan Ngọc P và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều trình bày:**

Ngày 24/3/2022, Công ty TNHH G với Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V, ký Hợp đồng kinh tế số 2403/2022/HĐKT/MEI-GL về việc cung cấp xi măng.

Theo Hợp đồng kinh tế số 2403/2022/HĐKT/MEI-GL ngày 24/3/2022 các bên thoả thuận: Công ty TNHH G bán cho Công ty CV vật tư, thiết bị và đầu tư xây dựng V, sản phẩm là Xi măng Supreme Standad bao – Pico PCB 40, khối lượng 660,0 tấn, đơn giá 1.740.000 đồng, thành tiền 1.148.400.000 đồng (Bao gồm VAT). Căn cứ vào giấy tờ mua bán và Biên bản đối chiếu công nợ, giữa Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V với Công ty TNHH G ngày 13/6/2023, thì Công ty CP V, thiết bị và đầu tư xây dựng M đã nợ tiền mua hàng hoá của Công ty TNHH G là 157.724.500 đồng.

Do Công ty cổ phần V vi phạm hợp đồng nên Công ty TNHH G yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G số tiền 157.724.500 đồng và buộc Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả thêm khoản tiền lãi chậm thanh toán 10%/năm, kể từ ngày 13/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/12/2024 là 18 tháng, qua đó Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán cụ thể như sau:  $157.724.500 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0.83\% = 23.564.040 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền mà Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G  $157.724.500 \text{ đồng} + 23.564.040 \text{ đồng} = 181.288.540 \text{ đồng}$ .

**Theo văn bản ngày 10 tháng 4 năm 2024 của bị đơn Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V trình bày:**

Ngày 08/4/2024 Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V nhận được giấy triệu tập số 46/GTT ngày 26/3/2024 và xác nhận về số liệu công nợ theo Thông báo thụ lý vụ án số 45/2023/TB-TLVA ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết với số tiền 157.724.500 đồng là đúng.

Đối với nghĩa vụ của mình, hiện chúng tôi còn đang khó khăn và đang nỗ lực làm hồ sơ quyết toán, thu hồi các công nợ để có dòng tiền thanh toán cho các bên chúng tôi đang nợ.

Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ngày 09/12/2024 Công ty CP V, thiết bị và đầu tư xây dựng M có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G, tiền nợ hàng hóa: 157.724.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán: 12.846.576 đồng. Tổng số tiền mà Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G là 181.288.540 đồng. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý tiền án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc:

Công ty TNHH G, mã số doanh nghiệp là 3400434568, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2005, được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tư nhân, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 20/7/2019, người đại diện theo pháp luật khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” với bị đơn Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số 0400574640, địa chỉ: B X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chân T1.

Nơi tranh chấp phát sinh quan hệ hợp đồng tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm g khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Hợp đồng kinh tế số 2403/2022/HĐKT/MEI-GL ký ngày 24/3/2022. Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 13/6/2023. Ngày 07/12/2023 Công ty TNHH G nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 319 Luật Thương mại

[1.3] Về sự tham gia của các đương sự:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật: Việc mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 24/3/2022 nên thuộc trường hợp áp dụng Luật Thương mại năm 2005 các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng kinh tế số 2403/2022/HĐKT/MEI-GL ký ngày 24/3/2022, thì thấy: Khi giao kết hợp đồng, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V đều là pháp nhân, hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của các công ty, về việc mua bán xi măng, nội dung hợp đồng thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật và phù hợp với phạm vi kinh doanh đã đăng ký với cơ quan Nhà nước. Do đó, Hợp đồng mua bán xi măng ngày 24/3/2022 là hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá phù hợp quy định tại Điều 74 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

[3.2] Xét việc thực hiện Hợp đồng mua bán xi măng ngày 24/3/2022, thì Điều 24 Luật thương mại quy định “Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó”.

Theo hợp đồng, Công ty TNHH G có trách nhiệm bán xi măng cho Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M, kể từ khi ký hợp đồng đến nay, Công ty cổ phần vật tư, thiết bị và đầu tư xây dựng V không có ý kiến khiếu nại gì về chất lượng cũng như số lượng xi măng được giao. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định Công ty TNHH G đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán hàng hoá.

Đối với Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V, là bên mua xi măng. Tại hợp đồng các bên thỏa thuận “Sau khi bên B tổng hợp và gửi biên bản đối chiếu công nợ cho bên A. Bên A ký biên bản đối chiếu công nợ cho bên B không quá 5 ngày kể từ ngày bên B giao cho bên A. Sau 5 ngày nếu bên A không có phản hồi bằng văn bản về biên bản đối chiếu công nợ bên B đã giao thì coi như bên A thống nhất với biên bản đối chiếu công nợ. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản”, vì vậy Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V sau khi nhận đủ số lượng xi măng thì phải có trách nhiệm thanh toán tiền. Nhưng quá thời hạn thỏa thuận Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M vẫn chưa trả tiền cho Công ty TNHH G.

Điều 50 Luật thương mại quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào giấy tờ mua bán hàng hóa và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/6/2023, thì tính đến hết ngày 31/12/2022 Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M đã nợ tiền mua xi măng của Công ty TNHH G là 157.724.500 đồng, nên việc Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V trả số tiền 157.724.500 đồng cho Công ty TNHH G là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu buộc Công ty CP V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả thêm khoản tiền lãi chậm thanh toán 10%/năm, kể từ ngày 13/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/12/2024 là 18 tháng, qua đó Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán cụ thể như sau:  $157.724.500 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0.83\% = 23.564.040 \text{ đồng}$ .

Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Tòa án đã thu thập thông tin mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng Thương mại tại địa bàn tỉnh Bình Thuận (Ngân hàng N, Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần C) là 16,8%/năm. Tuy nhiên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán do chậm trả là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng mà Tòa án đã thu thập, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng số tiền mà Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G là  $157.724.500 \text{ đồng} + 23.564.040 \text{ đồng} = 181.288.540 \text{ đồng}$ .

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm g khoản 2 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 351, 357, 401, 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 24, 34, 35, 42, 50, 306 của Luật thương mại

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” đối với Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V.

2. Buộc Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 2403/2022/HĐKT/MEI-GL ngày 24/3/2022, bao gồm:

- Khoản tiền nợ hàng hóa: 157.724.500 đồng.

- Khoản tiền lãi chậm thanh toán: 12.846.576 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M phải trả cho Công ty TNHH G là 181.288.540 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V phải chịu án phí 9.064.427 đồng.

Công ty TNHH G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH G 3.944.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001101 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/12/2024) Công ty TNHH G có quyền kháng cáo. Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**T.M-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- Lưu.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Lưu Triều**